

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3, 4, 5 tuổi đang học tại các trường Mầm non theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP của Chính phủ (Học kỳ I năm học 2019 - 2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính Phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 4582/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Căn cứ Danh sách đề nghị hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi của các trường Mầm non công lập trên địa bàn huyện có các đối tượng được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP của Chính Phủ (Kỳ I năm học 2019 - 2020) lập (có xác nhận của UBND các xã, thị trấn) và đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp tiền hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3,4,5 tuổi tại các trường mầm non công lập theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ (học kỳ I năm học 2019-2020), huyện An Lão với tổng số tiền là: 67.649.000 đồng

(Sáu mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng chẵn)

Bằng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2019.

Có phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

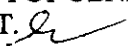
- Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện thông báo dự toán kinh phí được cấp cho các trường Mầm non công lập để chi trả cho các đối tượng và hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

- Hiệu trưởng các trường Mầm non công lập căn cứ vào thực tế quản lý và cách tổ chức ăn trưa của nhà trường, thống nhất với Ban đại diện cha mẹ trẻ em để lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức (Quy định tại Điều 6 - Nghị định 06/2018/NĐ-CP) đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung hỗ trợ và quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường Mầm non công lập, Giám đốc kho bạc nhà nước An Lão và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2743/QĐ – UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT. 

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Trần Văn Tuấn

TỔNG HỢP NHU CẦU HỖ TRỢ TIỀN ĂN TRƯA CHO TRẺ 3,4,5 TUỔI NĂM 2019 (KỲ I - NĂM HỌC 2019-2020)

(Kèm theo Quyết định số 2806 /QĐ-UBND ngày 28 /10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Đơn vị	Xã hải đảo và khó khăn				Mồ côi cha, mẹ; không nơi nương tựa; tàn tật khó khăn				Cha mẹ thuộc diện hộ nghèo				Cha mẹ thuộc diện hộ cận nghèo				Tổng số đối tượng				Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng hỗ trợ	Thành tiền	Bổ sung, điều chỉnh Kỳ II năm học 2018-2019 (Số thừa, hoặc thiếu so với số đã cấp đầu năm)	Kinh phí hỗ trợ kỳ này
		Cộng g	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng g	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng g	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng g	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	Cộng	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi					
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+	10	11	12	13=14+15+	14	15	16	17=18+19+2	18	19	20	21	22	23=17*21*22	24	25
1	Bát Trang					1			1	6		2	4					7		2	5	149	4	4 867		4 867
2	Trường Thọ					1			1	3			3	3		2	1	7		2	5	149	4	4 172		4 172
3	Trường Thành													2		1	1	2		1	1	149	4	636		636
4	An Tiến													5	2	2	1	5	2	2	1	149	4	2 980		2 980
5	Thị Trấn													1		1		1		1		149	4	596		596
6	An Thắng					1	1			3	1	1	1	15	8	4	3	19	10	5	4	149	4	11 025		11 025
7	Tân Dân	2		2						2		2		3		1	2	7		5	2	149	4	4 172		4 172
8	Trường Sơn	1	1			2		2		4		1	3					7	1	3	3	149	4	4 172		4 172
9	Thái SơnI									3	1	2		2		1	1	5	1	3	1	149	4	2 980		2 980
10	Thái SơnII									2	1	1		1			1	3	1	1	1	149	4	1 788		1 788
11	An Thái									4		2	2					4		2	2	149	4	2 384	-135	2 249
12	An Thọ																					149	4			
13	Mỹ Đức									3		1	2	5	1	2	2	8	1	3	4	149	4	4 768		4 768
14	Chiến Thắng									6		3	3					6		3	3	149	4	3 576		3 576
15	Tân Viên					1			1	7	1	1	5	4		2	2	12	1	3	8	149	4	7 152		7 152
16	Quốc Tuấn					1		1						3		2	1	4		3	1	149	4	2 384		2 384
17	Quang Trung									3	1	2		5	2	1	2	8	3	3	2	149	4	4 768		4 768
18	Quang Hưng									3		2	1	5		4	1	8		6	2	149	4	4 768		4 768
19	Sao Sáng					1			1									1			1	149	4	596		596
	CỘNG	3	1	2	0	8	1	3	4	49	5	20	24	54	13	23	18	114	20	48	46			67 784	- 135	67.649

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ BÁT TRẠNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082522

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.867.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.867.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4.867.000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ TRƯỜNG THỌ

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082523

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.172.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.172.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4 172 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ TRƯỜNG THÀNH

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082524

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	636.000	
Kinh phí không thường xuyên	636.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	636 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ AN TIẾN

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS:1082525

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	2.980.000	
Kinh phí không thường xuyên	2.980.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	2 980 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON THỊ TRẤN

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082572

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	596.000	
Kinh phí không thường xuyên	596.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	596 000	

AN

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ AN THẮNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082526

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	11.025.000	
Kinh phí không thường xuyên	11.025.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	11 025 000	



BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ TÂN DÂN

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082561

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.172.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.172.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4 172 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON THỊ TRẤN TRƯỜNG SƠN

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082562

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.172.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.172.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4 172 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON THÁI SƠN I

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1108161

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	2.980.000	
Kinh phí không thường xuyên	2.980.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	2 980 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON THÁI SƠN II

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082563

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	1.788.000	
Kinh phí không thường xuyên	1.788.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	1 788 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ AN THÁI

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082564

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	2.249.000	
Kinh phí không thường xuyên	2.249.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	2 249 000	



BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MÃM NON XÃ AN THỌ

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082565

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	-	
Kinh phí không thường xuyên	-	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ MỸ ĐỨC

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082566

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.768.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.768.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4 768 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ CHIẾN THẮNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082567

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	3.576.000	
Kinh phí không thường xuyên	3.576.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	3 576 000	

CHỖ PHÁP QUẢN

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ TÂN VIÊN

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082568

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	7.152.000	
Kinh phí không thường xuyên	7.152.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	7 152 000	



BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ QUỐC TUẤN

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082569

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	2.384.000	
Kinh phí không thường xuyên	2.384.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	2 384 000	

BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ QUANG TRUNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082570

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.768.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.768.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4 768 000	



BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON XÃ QUANG HÙNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1082571

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	4.768.000	
Kinh phí không thường xuyên	4.768.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	4 768 000	



BIỂU SỐ: 48

BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019

ĐƠN VỊ: MẦM NON SAO SÁNG

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1016411

(Kèm theo Quyết định số: 2806/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-071)	596.000	
Kinh phí không thường xuyên	596.000	
Kinh phí miễn giảm tiền ăn trưa cho trẻ em 3,4,5 tuổi theo Nghị định 06/2018/ NĐ-CP (Học kỳ I năm học 2019-2020)	596 000	

